

**DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 2 LẦN 1 - NĂM 2025**

| TT | Đơn vị | Số Quyết định | Ngày ký    | MSSV     | Họ tên                   | Ngày sinh  | Nữ | Tên ngành    | Tên chuyên ngành                 |
|----|--------|---------------|------------|----------|--------------------------|------------|----|--------------|----------------------------------|
| 1  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111451 | Lâm Thế Vinh             | 18/06/2003 |    | Ngôn ngữ Anh | Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh |
| 2  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111444 | Trần Ngọc Bảo Trân       | 04/09/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh | Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh |
| 3  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111440 | Ngô Hoàng Minh Thư       | 17/11/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh | Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh |
| 4  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111426 | Trần Kim Ngọc            | 11/08/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh | Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh |
| 5  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111416 | Trần Thị Mỹ Hằng         | 02/06/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh | Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh |
| 6  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111415 | Trần Ngọc Hải            | 24/10/2003 |    | Ngôn ngữ Anh | Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh |
| 7  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111406 | Nguyễn Thanh Hiếu Vy     | 13/01/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh | Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh |
| 8  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111401 | Đỗ Thị Hồng Tươi         | 05/06/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh | Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh |
| 9  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111391 | Võ Thị Nhã Thi           | 31/07/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh | Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh |
| 10 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111369 | Phan Kiều Diễm Hằng      | 13/12/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh | Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh |
| 11 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111368 | Lâm Vĩnh Hào             | 01/11/2003 |    | Ngôn ngữ Anh | Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh |
| 12 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2105164 | Phạm Thị Kim Tuyền       | 14/01/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh | Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh |
| 13 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2105147 | Nguyễn Cẩm Ly            | 17/07/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh | Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh |
| 14 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2105140 | Lê Ngọc Hồng Anh         | 16/10/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh | Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh |
| 15 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2105132 | Trần Anh Thư             | 18/11/2002 | N  | Ngôn ngữ Anh | Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh |
| 16 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2105129 | Nguyễn Thị Ngọc Thi      | 06/04/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh | Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh |
| 17 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2105123 | Cao Thị Yến Nhi          | 05/10/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh | Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh |
| 18 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2013973 | Trần Minh Huy            | 24/06/2002 |    | Ngôn ngữ Anh | Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh |
| 19 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B1913494 | Lâm Ngọc Phương Thanh    | 23/01/2001 | N  | Ngôn ngữ Anh |                                  |
| 20 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | C2100015 | Nguyễn Trí Dũng          | 04/03/1999 |    | Ngôn ngữ Anh |                                  |
| 21 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | C2200063 | Lý Thảo Vy               | 07/03/2001 | N  | Ngôn ngữ Anh |                                  |
| 22 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111446 | Phan Hoàng Tuấn          | 13/05/2003 |    | Ngôn ngữ Anh |                                  |
| 23 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111442 | Hà Thị Thùy Tiên         | 30/12/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh |                                  |
| 24 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111441 | Thạch Ngọc Anh Thư       | 27/09/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh |                                  |
| 25 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111437 | Trương Thanh Thảo        | 04/06/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh |                                  |
| 26 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111436 | Trần Thị Y Sa            | 30/11/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh |                                  |
| 27 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111431 | Trần Thị Khánh Như       | 20/03/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh |                                  |
| 28 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111430 | Nguyễn Thị Hải Như       | 14/10/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh |                                  |
| 29 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111429 | Huỳnh Phan Ngọc Như      | 19/07/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh |                                  |
| 30 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111428 | Trịnh Yến Nhi            | 26/05/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh |                                  |
| 31 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111425 | Trương Thị Thanh Ngân    | 22/12/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh |                                  |
| 32 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111424 | Nguyễn Thị Bích Ngân     | 16/02/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh |                                  |
| 33 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111417 | Lê Hữu Huy               | 23/03/2003 |    | Ngôn ngữ Anh |                                  |
| 34 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111411 | Nguyễn Nguyễn Hoàng Dung | 04/09/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh |                                  |
| 35 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111405 | Hồ Thanh Vy              | 23/09/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh |                                  |

| TT | Đơn vị | Số Quyết định | Ngày ký    | MSSV     | Họ tên                   | Ngày sinh  | Nữ | Tên ngành    | Tên chuyên ngành |
|----|--------|---------------|------------|----------|--------------------------|------------|----|--------------|------------------|
| 36 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111403 | Phan Nguyễn Tường Vi     | 08/03/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 37 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111402 | Đoàn Phương Uyên         | 02/12/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 38 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111400 | Võ Thị Minh Tuyền        | 25/05/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 39 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111399 | Phạm Tuấn                | 28/04/2003 |    | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 40 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111394 | Nguyễn Ngọc Anh Thư      | 09/09/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 41 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111393 | Dương Huỳnh Anh Thư      | 01/01/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 42 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111389 | Nguyễn Thị Hồng Sa       | 06/04/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 43 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111387 | Đỗ Thị Thanh Quyên       | 15/01/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 44 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111386 | Phạm Nguyễn Hoàng Phương | 30/04/2003 |    | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 45 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111385 | Nguyễn Đình Phan         | 13/11/2003 |    | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 46 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111382 | Huỳnh Thị Huỳnh Như      | 16/10/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 47 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111381 | Nguyễn Lục Tuyết Nhi     | 21/01/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 48 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111379 | Đồng Đình Nghi           | 02/02/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 49 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111373 | Nguyễn Sĩ Lâm            | 10/10/2003 |    | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 50 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111372 | Vương Gia Khang          | 28/01/2003 |    | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 51 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111362 | Nhan Minh Anh            | 15/11/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 52 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2107162 | Đỗ Ngọc Như Huỳnh        | 21/10/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 53 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2105167 | Châu Thúy Vy             | 29/12/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 54 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2105163 | Võ Thảo Trang            | 16/08/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 55 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2105144 | Kim Thị Ngọc Hân         | 30/01/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 56 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2105114 | Võ Anh Đào               | 04/03/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 57 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2100099 | Ngô Thị Yến Ngọc         | 16/08/2002 | N  | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 58 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2013942 | Mai Thị Ngọc Lan         | 26/08/2002 | N  | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 59 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B1705977 | Vũ Nguyễn Anh Khoa       | 15/03/1999 |    | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 60 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | C2200061 | Nguyễn Xuân Trường       | 25/06/2001 |    | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 61 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | C2200057 | Nguyễn Thị Bích Trâm     | 19/10/2001 | N  | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 62 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | C2200054 | Nguyễn Huỳnh Thủy Tiên   | 10/05/2001 | N  | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 63 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | C2200053 | Võ Minh Thư              | 15/04/2000 | N  | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 64 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | C2200051 | Hoàng Thị Thu Sương      | 10/05/2001 | N  | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 65 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | C2200049 | Nguyễn Ngọc Quyên Phương | 09/05/2001 | N  | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 66 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | C2200045 | Phạm Thị Ngọc Nhi        | 06/06/2001 | N  | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 67 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | C2200040 | Hồ Thanh Uyên Ngân       | 27/09/2001 | N  | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 68 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | C2200037 | Đỗ Đình Long             | 05/01/2001 |    | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 69 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | C2200035 | Dương Đình Lập           | 21/04/2001 |    | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 70 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | C2200034 | Nguyễn Thị Hồng Hoa      | 08/10/2001 | N  | Ngôn ngữ Anh |                  |
| 71 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | C2200033 | Lâm Ngọc Hảo             | 16/08/2001 | N  | Ngôn ngữ Anh |                  |

| TT  | Đơn vị | Số Quyết định | Ngày ký    | MSSV     | Họ tên                  | Ngày sinh  | Nữ | Tên ngành                                  | Tên chuyên ngành |
|-----|--------|---------------|------------|----------|-------------------------|------------|----|--------------------------------------------|------------------|
| 72  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | C2100026 | Trần Kim Ngân           | 02/09/1999 | N  | Ngôn ngữ Anh                               |                  |
| 73  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | C2200043 | Tiêu Ái Nguyệt          | 22/08/2000 | N  | Ngôn ngữ Anh                               |                  |
| 74  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2005328 | Nguyễn Tiểu Diệp        | 26/04/2001 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 75  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2014184 | Lê Thị An Thuyên        | 10/01/2002 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 76  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2014153 | Nguyễn Hải Hoàng Huy    | 10/01/2002 |    | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 77  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2005245 | Nguyễn Phạm Khánh Duyên | 09/10/2002 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 78  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B1909388 | Nghê Phạm Hải Yến       | 23/03/2001 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 79  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B1909356 | Nguyễn Kim Ngân         | 01/07/2001 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 80  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111598 | Quách Thảo Vy           | 16/07/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 81  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111563 | Hồ Thị Mai Huỳnh        | 04/02/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 82  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111553 | Hà Mỹ Chi               | 29/09/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 83  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111549 | Phan Ngọc Phương Anh    | 03/02/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 84  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111538 | Chung Huỳnh Anh Thy     | 16/09/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 85  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111529 | Phạm Minh Phương        | 10/06/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 86  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111494 | Nguyễn Huỳnh Anh        | 19/07/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 87  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2107889 | Trần Ngọc Khánh Vy      | 03/07/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 88  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2105290 | Trần Nguyễn Thanh Vy    | 03/09/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 89  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2105281 | Hà Lê Tú Trân           | 27/09/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 90  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2105262 | Liêu Thái Mỹ            | 20/01/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 91  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2105205 | Nguyễn Thanh Thúy Vy    | 12/02/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 92  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111589 | Đặng Nguyễn Anh Thư     | 17/06/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 93  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111585 | Hà Nguyễn Nguyên Thảo   | 20/10/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 94  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111581 | Nguyễn Ngọc Phú         | 06/08/2003 |    | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 95  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111561 | Phạm Trọng Hiếu         | 21/11/2003 |    | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 96  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111552 | Dương Huỳnh Châu        | 02/09/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 97  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111548 | Nguyễn Kim Mỹ Anh       | 19/11/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 98  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111519 | Phạm Bạch Diệu Nghi     | 08/06/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 99  | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111506 | Lê Ngọc Hân             | 16/01/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 100 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111493 | Nguyễn Minh Hoài An     | 07/03/2003 |    | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 101 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2105190 | Lê Lưu Tổ Như           | 12/09/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 102 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111596 | Ngô Huỳnh Thúy Vi       | 06/05/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 103 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111580 | Bùi Nguyễn Vĩnh Phát    | 07/03/2003 |    | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 104 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111574 | Trần Mỹ Ngọc            | 11/10/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 105 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111565 | Lê Nguyễn Ngọc Kim      | 22/06/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 106 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111560 | Nguyễn Thị Ngọc Hân     | 04/01/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 107 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111555 | Nguyễn Diệp Như Duyên   | 07/11/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |

| TT  | Đơn vị | Số Quyết định | Ngày ký    | MSSV     | Họ tên                | Ngày sinh  | Nữ | Tên ngành                                  | Tên chuyên ngành |
|-----|--------|---------------|------------|----------|-----------------------|------------|----|--------------------------------------------|------------------|
| 108 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111547 | Hồ Nguyễn Lan Anh     | 12/12/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 109 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111541 | Tôn Hoàng Minh Tuyết  | 08/11/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 110 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111536 | Lâm Minh Thư          | 06/03/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 111 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111531 | Lê Quang Tấn          | 10/11/2003 |    | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 112 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111522 | Nguyễn Thảo Nguyên    | 08/12/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 113 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111518 | Trương Hiếu Ngân      | 07/08/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 114 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111514 | Nguyễn Thị Xuân Mai   | 01/01/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 115 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111509 | Đinh Vũ Quốc Huy      | 15/09/2003 |    | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 116 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111505 | Bùi Thị Diệu Hân      | 06/01/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 117 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111500 | Cao Khả Duy           | 16/01/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 118 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111496 | Quách Trường Anh      | 03/12/2003 |    | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 119 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2105285 | Bùi Thị Cẩm Tú        | 19/04/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 120 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2105249 | Phan Hoàng Yến        | 20/08/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 121 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2105231 | Lưu Bội Quân          | 19/02/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 122 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111599 | Triệu Yến Vy          | 06/06/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 123 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111579 | Phạm Ngọc Như         | 16/09/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 124 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111573 | Lý Tuấn Nghĩa         | 02/07/2002 |    | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 125 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111569 | Thạch Thị Mụi         | 23/10/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 126 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111564 | Võ Thị Cẩm Hường      | 06/07/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 127 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111554 | Lê Tổng Cẩm Duyên     | 01/01/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 128 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111545 | Trần Thị Thảo Vy      | 24/04/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 129 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111534 | Nguyễn Vĩnh Thụy      | 16/10/2003 |    | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 130 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111526 | Nguyễn Ngọc Hoàng Ni  | 21/01/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 131 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111521 | Lê Anh Nguyên         | 27/01/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 132 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111513 | Neàng Lin             | 04/11/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 133 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111508 | Ngô Văn Hiệu          | 12/11/2003 |    | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 134 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111504 | Trang Minh Đức        | 01/06/2003 |    | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 135 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111499 | Nguyễn Huỳnh Chăm     | 30/11/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 136 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2111495 | Ông Đặng Trâm Anh     | 17/07/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 137 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2105283 | Trương Đình Bảo Trân  | 18/10/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 138 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2105252 | Phạm Nguyễn Quỳnh Anh | 02/02/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 139 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2105245 | Nguyễn Thảo Vân       | 29/03/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 140 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2105210 | Dương Nhật Thiên Anh  | 13/09/2003 | N  | Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao) |                  |
| 141 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2113384 | Phạm Thủy Tiên        | 18/03/2000 | N  | Ngôn ngữ Pháp                              |                  |
| 142 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2113389 | Trần Thị Hồng Tươi    | 21/08/2003 | N  | Ngôn ngữ Pháp                              |                  |
| 143 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2113388 | Nguyễn Thị Cẩm Tú     | 05/06/2003 | N  | Ngôn ngữ Pháp                              |                  |

| TT  | Đơn vị | Số Quyết định | Ngày ký    | MSSV     | Họ tên                | Ngày sinh  | Nữ | Tên ngành         | Tên chuyên ngành |
|-----|--------|---------------|------------|----------|-----------------------|------------|----|-------------------|------------------|
| 144 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2113387 | La Hồng Tuyền         | 29/09/2003 | N  | Ngôn ngữ Pháp     |                  |
| 145 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2113383 | Võ Nguyệt Bảo Thy     | 23/05/2003 | N  | Ngôn ngữ Pháp     |                  |
| 146 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2113380 | Hồ Thái Minh Thư      | 12/10/2003 | N  | Ngôn ngữ Pháp     |                  |
| 147 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2113379 | Phan Hữu Tân          | 01/12/2002 |    | Ngôn ngữ Pháp     |                  |
| 148 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2113374 | Nguyễn Hứa Triệu Như  | 16/02/2003 | N  | Ngôn ngữ Pháp     |                  |
| 149 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2113372 | Trần Tuyết Nhi        | 09/02/2003 | N  | Ngôn ngữ Pháp     |                  |
| 150 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2113371 | Trần Ngọc Nhi         | 28/10/2003 | N  | Ngôn ngữ Pháp     |                  |
| 151 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2113370 | Đặng Thanh Nhã        | 12/10/2003 | N  | Ngôn ngữ Pháp     |                  |
| 152 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2113368 | Lê Thị Bích Ngọc      | 13/06/2003 | N  | Ngôn ngữ Pháp     |                  |
| 153 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2113367 | Bùi Hồng Ngọc         | 31/03/2003 | N  | Ngôn ngữ Pháp     |                  |
| 154 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2113365 | Đinh Xuân Mai         | 02/11/2003 | N  | Ngôn ngữ Pháp     |                  |
| 155 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2113361 | Phan Ngọc Hiền        | 09/08/2003 | N  | Ngôn ngữ Pháp     |                  |
| 156 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2113360 | Hà Nhựt Hào           | 25/11/2003 |    | Ngôn ngữ Pháp     |                  |
| 157 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2113356 | Bùi Nguyễn Ngọc Duyên | 07/06/2003 | N  | Ngôn ngữ Pháp     |                  |
| 158 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2113354 | Lê Thái Minh Cường    | 12/08/2003 |    | Ngôn ngữ Pháp     |                  |
| 159 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2113353 | Nguyễn Thị Vân Anh    | 25/05/2003 | N  | Ngôn ngữ Pháp     |                  |
| 160 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2113352 | Nguyễn Trần Phúc Anh  | 06/06/2003 |    | Ngôn ngữ Pháp     |                  |
| 161 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2113349 | Nguyễn Trường An      | 16/07/2003 |    | Ngôn ngữ Pháp     |                  |
| 162 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2107216 | Trần Thanh Hào        | 01/03/2003 |    | Ngôn ngữ Pháp     |                  |
| 163 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2106917 | Trần Thị Cẩm Tiên     | 10/12/2003 | N  | Ngôn ngữ Pháp     |                  |
| 164 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2106915 | Ngô Thị Mỹ Tiên       | 13/08/2003 | N  | Ngôn ngữ Pháp     |                  |
| 165 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2106913 | Trần Thị Anh Thư      | 18/02/2003 | N  | Ngôn ngữ Pháp     |                  |
| 166 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2106907 | Phan Thị Ha Ren       | 24/04/2002 | N  | Ngôn ngữ Pháp     |                  |
| 167 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2106905 | Trần Vũ Phương        | 13/04/2002 |    | Ngôn ngữ Pháp     |                  |
| 168 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2106901 | Dương Lâm Hoài Niệm   | 24/02/2002 | N  | Ngôn ngữ Pháp     |                  |
| 169 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2106896 | Trương Trọng Nghĩa    | 12/02/2003 |    | Ngôn ngữ Pháp     |                  |
| 170 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2106894 | Thạch Ngọc Kim Ngân   | 21/06/2003 | N  | Ngôn ngữ Pháp     |                  |
| 171 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2106891 | Lê Nguyễn My          | 22/11/2003 | N  | Ngôn ngữ Pháp     |                  |
| 172 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2016093 | Phạm Trần Thất Bảo    | 24/11/1998 |    | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 173 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2100543 | Tạ Thanh Tân          | 02/11/1999 |    | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 174 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112729 | Nguyễn Trần Tuyết Duy | 09/12/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 175 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | C2100053 | Trần Ngọc Cát Tường   | 08/12/1999 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 176 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2016157 | Nguyễn Thị Thu Ngân   | 11/04/2002 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 177 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2016172 | Nguyễn Phước Toàn     | 10/10/2002 |    | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 178 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2016150 | Nguyễn Hải Hưng       | 26/07/2002 |    | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 179 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2016137 | Nguyễn Cao Minh Anh   | 29/01/2002 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |

| TT  | Đơn vị | Số Quyết định | Ngày ký    | MSSV     | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nữ | Tên ngành         | Tên chuyên ngành |
|-----|--------|---------------|------------|----------|------------------------|------------|----|-------------------|------------------|
| 180 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2000578 | Nguyễn Duy Khang       | 24/08/2002 |    | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 181 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2016123 | Huỳnh Lê Đức Thịnh     | 15/09/2002 |    | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 182 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2000551 | Trần Thị Thanh Nga     | 03/05/2002 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 183 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112739 | Nguyễn Bảo Lộc         | 14/10/2003 |    | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 184 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112762 | Tạ Thị Kim Yên         | 15/11/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 185 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112761 | Lê Nguyễn Thúy Vy      | 07/01/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 186 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112760 | Châu Triệu Vy          | 11/10/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 187 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112759 | Dương Thị Tuyết        | 26/05/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 188 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112758 | Lê Dương Thanh Trúc    | 18/03/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 189 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112757 | Thạch Trần Thùy Trân   | 11/12/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 190 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112756 | Phạm Thị Thùy Trang    | 19/02/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 191 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112755 | Lê Hoàng Mỹ Trang      | 28/06/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 192 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112754 | Nguyễn Ngọc Minh Thư   | 20/10/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 193 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112752 | Huỳnh Phước Thiện      | 06/03/2003 |    | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 194 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112751 | Nguyễn Ngọc Mai Thảo   | 06/12/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 195 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112749 | Vương Thiên Thanh      | 28/03/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 196 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112748 | Phan Ngọc Quỳnh        | 14/10/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 197 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112747 | Đặng Thị Tuyết Phượng  | 26/12/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 198 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112745 | Nguyễn Minh Phát       | 11/11/2003 |    | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 199 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112744 | Lữ Hà Yên Nhi          | 14/02/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 200 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112743 | Phạm Nguyễn Như Ngọc   | 26/09/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 201 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112742 | Đoàn Mai Quế Ngọc      | 07/03/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 202 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112741 | Phạm Thị Kim Ngân      | 09/01/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 203 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112740 | Phạm Thanh Mai         | 29/11/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 204 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112738 | Nguyễn Thị Ngọc Linh   | 06/02/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 205 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112735 | Nguyễn Ngọc Khoa       | 03/08/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 206 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112734 | Huỳnh Hương            | 09/04/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 207 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112733 | Huỳnh Hoa Hồng         | 15/06/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 208 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112732 | Lư Bửu Phúc Hậu        | 04/06/2003 |    | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 209 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112730 | Trần Phước Duy         | 10/11/2003 |    | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 210 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112728 | Nguyễn Thị Mỹ Chi      | 31/05/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 211 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2106991 | Trần Thiện Trí         | 10/05/1999 |    | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 212 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2106989 | Phan Hoài Thanh Phong  | 29/09/2003 |    | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 213 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2106988 | Nguyễn Hoàng Thanh Mai | 29/05/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 214 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2106987 | Nguyễn Thị Vân Ảnh     | 25/05/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 215 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2100550 | Dương Thảo Vy          | 19/09/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |

| TT  | Đơn vị | Số Quyết định | Ngày ký    | MSSV     | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nữ | Tên ngành         | Tên chuyên ngành |
|-----|--------|---------------|------------|----------|------------------------|------------|----|-------------------|------------------|
| 216 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2100545 | Nguyễn Minh Thùy       | 26/11/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 217 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2100542 | Lê Hoàng Anh Phụng     | 12/01/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 218 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2100538 | Đặng Nguyễn Minh Ngọc  | 30/01/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 219 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2100533 | Lê Vũ Quỳnh Hương      | 30/03/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 220 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2100531 | Danh Hoàng Bảo Duy     | 01/06/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 221 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112726 | Trần Thị Như Ý         | 12/05/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 222 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112725 | Trần Nguyễn Lan Vy     | 23/08/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 223 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112724 | Đặng Ngọc Tường Vy     | 11/04/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 224 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112723 | Trần Thị Kim Uyên      | 08/07/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 225 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112722 | Phan Thị Thanh Trúc    | 15/12/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 226 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112721 | Trần Thị Diễm Trinh    | 23/05/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 227 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112719 | Phan Thị Thùy Trang    | 05/08/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 228 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112718 | Châu Lê Khã Thy        | 24/05/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 229 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112716 | Nguyễn Phạm Minh Thiện | 18/01/2003 |    | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 230 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112715 | Phan Đình Thi          | 04/10/2003 |    | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 231 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112714 | Nguyễn Phương Thảo     | 06/05/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 232 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112713 | Tô Phước Thành         | 06/05/2003 |    | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 233 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112711 | Nguyễn Hữu Quốc        | 14/01/2003 |    | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 234 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112710 | Nguyễn Hà Phương       | 12/11/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 235 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112708 | Nguyễn Hoàng Yến Nhi   | 25/03/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 236 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112707 | Lưu Thiện Nhân         | 11/06/2003 |    | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 237 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112705 | Nguyễn Đoàn Gia Nghi   | 06/08/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 238 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112704 | Trần Ngọc Quỳnh Mai    | 09/08/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 239 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112703 | Lâm Nguyễn Khánh Mai   | 06/01/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 240 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112702 | Thạch Thị Thiên Linh   | 18/08/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 241 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112701 | Nguyễn Phan Yến Linh   | 13/09/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 242 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112700 | Đỗ Thị Thảo Linh       | 20/09/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 243 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112699 | Âu Phương Kiều         | 17/03/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 244 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112697 | Trần Kim Huyền         | 12/02/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 245 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112696 | Đào Thụy Mỹ Hoàng      | 02/04/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 246 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112694 | Nguyễn Tấn Đạt         | 02/11/2003 |    | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 247 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112692 | Tiêu Doanh Doanh       | 23/07/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 248 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112691 | Nguyễn Xuân An         | 26/08/2003 |    | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 249 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2100525 | Sơn Lý Bảo Tiên        | 29/03/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 250 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2100522 | Nguyễn Kim Thi         | 12/03/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |
| 251 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2100521 | Nguyễn Trần Hoàng Thảo | 11/09/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh |                  |

| TT  | Đơn vị | Số Quyết định | Ngày ký    | MSSV     | Họ tên                   | Ngày sinh  | Nữ | Tên ngành          | Tên chuyên ngành |
|-----|--------|---------------|------------|----------|--------------------------|------------|----|--------------------|------------------|
| 252 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2100518 | Trịnh Phương Nhi         | 17/08/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh  |                  |
| 253 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2100516 | Lâm Bích Ngọc            | 15/06/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh  |                  |
| 254 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2100511 | Bùi Hồ Quỳnh Lam         | 27/06/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh  |                  |
| 255 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2100510 | Ngô Phương Huỳnh         | 07/10/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh  |                  |
| 256 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2100509 | Đỗ Nhật Duy              | 18/01/2002 |    | Sư phạm Tiếng Anh  |                  |
| 257 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2100508 | Trần Ngọc Đan Châu       | 25/01/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh  |                  |
| 258 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2100507 | Phạm Thị Ngọc Ảnh        | 20/03/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Anh  |                  |
| 259 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B1708270 | Mai Lê Lam Linh          | 14/07/1999 | N  | Sư phạm Tiếng Anh  |                  |
| 260 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2100564 | Nguyễn Ngọc Kết          | 11/10/2000 |    | Sư phạm Tiếng Pháp |                  |
| 261 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2016190 | Nguyễn Trúc Linh         | 17/12/2002 | N  | Sư phạm Tiếng Pháp |                  |
| 262 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2100559 | Mai Thị Hồng Gấm         | 16/06/2002 | N  | Sư phạm Tiếng Pháp |                  |
| 263 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2100558 | Nguyễn Thành Đạt         | 25/06/2003 |    | Sư phạm Tiếng Pháp |                  |
| 264 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112786 | Lê Tường Vi              | 12/05/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Pháp |                  |
| 265 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112783 | Lê Nguyễn Thị Quyền Trân | 04/02/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Pháp |                  |
| 266 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112779 | Trần Ngọc Phước Thành    | 19/03/2003 |    | Sư phạm Tiếng Pháp |                  |
| 267 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112778 | Lâm Thị Ngọc Phượng      | 16/07/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Pháp |                  |
| 268 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112777 | Tăng Hoàng Bảo Như       | 18/10/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Pháp |                  |
| 269 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112775 | Lê Tuyết Nhi             | 23/10/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Pháp |                  |
| 270 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112773 | Nguyễn Ngọc Gia Nghi     | 16/07/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Pháp |                  |
| 271 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112770 | Nguyễn Thị Yến Linh      | 10/11/2003 | N  | Sư phạm Tiếng Pháp |                  |
| 272 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112768 | Phạm Văn Hùng            | 10/01/2003 |    | Sư phạm Tiếng Pháp |                  |
| 273 | FL     | 1874/QĐ-ĐHCT  | 23/05/2025 | B2112763 | Hồ Vĩnh Công             | 28/02/2003 |    | Sư phạm Tiếng Pháp |                  |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ